

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

NHIỀU ĐỊA PHƯƠNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN
HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CÂY HẠT TIÊU

Năm 2025

MỤC LỤC

I. Đặc điểm của hạt tiêu của Việt Nam	4
II. Tình hình xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025	6
2.1 Kim ngạch, giá xuất khẩu hạt tiêu	6
2.2 Về cơ cấu chủng loại hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025	8
2.3 Thị trường xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2025	9
III. Đánh giá triển vọng xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong thời gian tới.....	12
3.1 Dung lượng thị trường nhập khẩu hạt tiêu của Mỹ.....	12
3.1.1 Lượng, trị giá nhập khẩu.....	12
3.1.2 Diễn biến giá	12
3.1.3 Cơ cấu nguồn cung	13
3.2 Dự báo xuất khẩu hạt tiêu trong thời gian tới	14
3.3 Một số quy định đối với mặt hàng hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam	17
IV. Tiêu chuẩn nhập khẩu hạt tiêu của một số thị trường	18
4.1 Tiêu chuẩn nhập khẩu hạt tiêu của thị trường Mỹ	18
4.2 Tiêu chuẩn nhập khẩu hạt tiêu của thị trường Đức	20
4.3 Tiêu chuẩn nhập khẩu hạt tiêu của thị trường Nhật Bản	22

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG

Danh mục biểu đồ

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng năm 2024 – 2025.....	7
Biểu đồ 2: Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng hạt tiêu của Việt Nam qua các tháng năm 2024-2025.....	7
Biểu đồ 3: Cơ cấu chủng loại hạt tiêu xuất khẩu của Việt nam 8 tháng đầu năm 2025.....	8
Biểu đồ 4: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2025.....	10
Biểu đồ 5: Lượng hạt tiêu nhập khẩu của Mỹ qua các tháng năm 2024-2025 ...	12
Biểu đồ 6: Diễn biến giá bình quân nhập khẩu hạt tiêu vào Mỹ qua các tháng năm 2024-2025	13

Danh mục bảng

Bảng 1: Một số chủng loại hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024	9
Bảng 2: Một số thị trường xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025	11
Bảng 3: 10 nguồn cung hạt tiêu (mã HS 090411; 090412) vào Mỹ 6 tháng đầu năm 2025.....	14

I. Đặc điểm của hạt tiêu của Việt Nam

Việt Nam hiện là quốc gia sản xuất và xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 35 - 40% sản lượng toàn cầu. Diện tích trồng hạt tiêu tại Việt Nam khoảng 120.000 – 130.000 ha, tập trung nhiều ở Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai), Đông Nam Bộ (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai) và một phần miền Trung.

Nhờ khí hậu nhiệt đới gió mùa và thổ nhưỡng bazan màu mỡ, hạt tiêu Việt Nam có năng suất cao, trung bình đạt 2,2 – 2,5 tấn/ha, cao hơn nhiều so với mức bình quân thế giới (khoảng 1 tấn/ha). Riêng năm 2024, diện tích trồng hạt tiêu của Việt Nam đạt 110.500 ha với năng suất trung bình 26 tạ/ha, gấp đôi mức trung bình toàn cầu (12,7 tạ/ha) và sản lượng khoảng 200.000 tấn.

Hạt tiêu Việt Nam có mùi thơm nồng, vị cay mạnh do khí hậu nhiệt đới gió mùa và thổ nhưỡng bazan giàu dinh dưỡng. Các sản phẩm hạt tiêu khá đa dạng, gồm tiêu đen, tiêu trắng, tiêu đỏ và một số dạng chế biến sâu như tiêu xay, tinh dầu, oleoresin.

Vụ tiêu năm 2025-2026 dự báo thuận lợi, sản lượng và giá bán được dự báo sẽ đồng loạt tăng

Vụ thu hoạch hạt tiêu năm 2025 tại Việt Nam đã chính thức kết thúc với sản lượng ước đạt 180.000 tấn, giảm 10.000 tấn so với năm 2024. Mức giảm này phần lớn đến từ việc không có sự mở rộng diện tích trồng mới trong niên vụ vừa qua.

Theo Hiệp hội tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA), sản lượng hạt tiêu của niên vụ 2025 - 2026 có thể tăng khoảng 10% lên 190.000 - 193.000 tấn.

Về giá: Giá hạt tiêu trong nước ổn định quanh mức 148.000 – 151.000 đồng/kg trong tháng 9/2025, tăng khoảng 8.000 - 9.000 đồng/kg so với tháng trước đó. Theo các doanh nghiệp, biến động giá gần đây không chỉ đến từ cung - cầu mà còn chịu tác động bởi các yếu tố chính trị và thuế quan tại một số thị

trường xuất khẩu lớn. Dù mức tăng chưa mạnh, nhưng xu hướng tích cực đã bắt đầu hình thành từ cuối tháng 7/2025.

Hiện lượng tồn kho trong dân không còn nhiều nên giá hạt tiêu vẫn giữ ở mức cao tại các vùng trồng. Dự báo giá hạt tiêu trong thời gian tới sẽ còn biến động tùy thuộc diễn biến thời tiết ở vùng trồng cũng như nhu cầu nhập khẩu của các thị trường lớn. Trong ngắn hạn, thị trường tiếp tục thuận lợi cho nông dân và doanh nghiệp nhờ sự quan tâm của khách hàng quốc tế và tình trạng cung ứng hạn chế ở một số nước sản xuất chủ lực.

Nhiều địa phương khu vực Tây Nguyên hướng đến phát triển bền vững cây hạt tiêu

Niên vụ năm 2024/2025, hạt tiêu xuất khẩu mặc dù giảm về sản lượng nhưng vẫn được giá, điều này giúp nông dân nhiều địa phương khu vực Tây Nguyên tiếp tục chú trọng phát triển cây trồng này.

Tại Đắk Lắk – địa phương trồng hạt tiêu lớn nhất cả nước, niên vụ 2024/25, tỉnh trồng hơn 28.000 ha cây hạt tiêu, chiếm khoảng 23% diện tích cả nước, với sản lượng ước đạt 75.000 tấn. Tuy nhiên, thời tiết bất lợi khiến hoa rụng nhiều, tỷ lệ đậu quả thấp, làm năng suất giảm khoảng 10% so với vụ trước, bình quân chỉ đạt 2,5 – 3 tấn/ha. Tuy nhiên, việc giá tiêu khởi sắc ngay từ đầu vụ đã giúp người trồng tăng thêm lợi nhuận, đồng thời khôi phục niềm tin với loại cây được mệnh danh là “vàng đen” sau nhiều năm rớt giá.

Trong những năm gần đây, việc canh tác hạt tiêu ở Đắk Lắk có nhiều chuyển biến tích cực. Người dân đã dần thay đổi tư duy sản xuất, chú trọng áp dụng các tiêu chuẩn sạch, hữu cơ bền vững, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị và đẩy mạnh chế biến, tạo ra sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Theo các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu hạt tiêu tại địa phương, để phát triển bền vững và gia tăng giá trị ngành hàng, cần đẩy mạnh liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Chỉ khi đảm bảo quy trình canh

tác, nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu chế biến, xuất khẩu thì mới có thể đa dạng hóa thị trường, khẳng định thương hiệu hạt tiêu Đắk Lắk nói riêng, hạt tiêu Việt Nam nói chung, qua đó nâng cao giá trị xuất khẩu.

Tại tỉnh Gia Lai, hiện trên địa bàn tỉnh có khoảng 7.500 ha hạt tiêu với năng suất bình quân khoảng 3,5 tấn/ha. Những năm qua, để nâng cao năng suất, chất lượng cũng như phát triển bền vững ngành hạt tiêu, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh đã chủ động hướng dẫn các địa phương tập trung vào vùng trồng có lợi thế cho cây hạt tiêu phát triển như Chư Puh, Chư Sê, Chư Prông, Ia Grai, Chư Păh, Đắk Đoa, Mang Yang, Đức Cơ và TP Pleiku. Đồng thời, giảm diện tích hạt tiêu ở những nơi không phù hợp, bảo đảm nền tảng vững chắc cho việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

Trong thời gian tới, để phát triển ổn định cây hạt tiêu, Gia Lai sẽ duy trì ổn định diện tích hạt tiêu khoảng 8,5 - 10 nghìn ha. Đồng thời, xây dựng vùng sản xuất hạt tiêu tập trung, an toàn và chất lượng gắn với các cơ sở chế biến. Mặt khác, Gia Lai sẽ tăng diện tích hạt tiêu trồng xen để giảm áp lực sinh vật gây hại cũng như áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến. Phân đầu đến năm 2030, diện tích hạt tiêu trên địa bàn tỉnh áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) đạt trên 60%.

II. Tình hình xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025

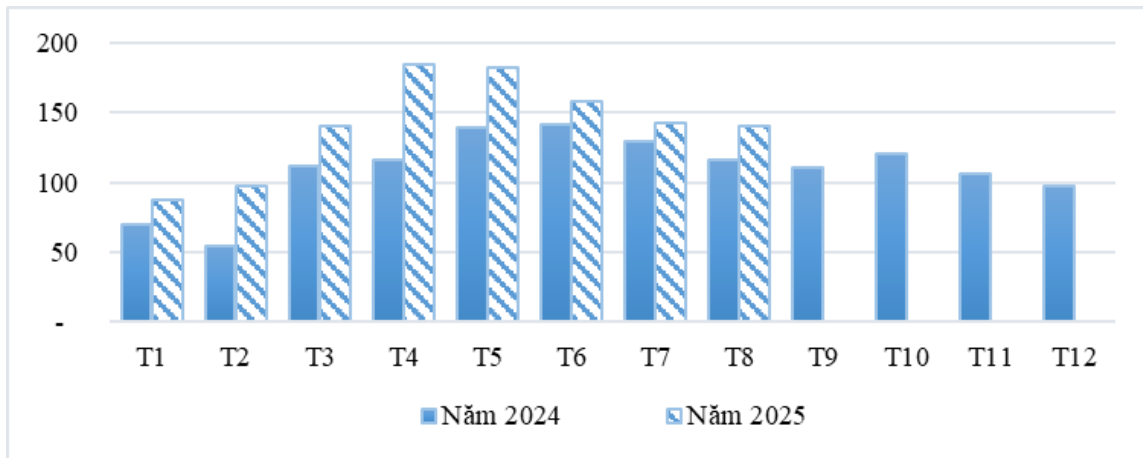
2.1 Kim ngạch, giá xuất khẩu hạt tiêu

Theo thống kê từ Cục Hải quan, trong 8 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đạt 166,1 nghìn tấn, kim ngạch 1,129 tỷ USD, giảm 9,6% về lượng nhưng tăng 28,4% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2024.

Tính riêng trong tháng 8/2025, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đạt 21,45 nghìn tấn, kim ngạch 140,3 triệu USD, giảm 0,2% về lượng và giảm 1,3% về kim ngạch so với tháng 7/2025, nhưng tăng 10,5% về lượng và tăng 20,2% về kim ngạch so với tháng 8/2024.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng năm 2024 – 2025

(Đvt: Triệu USD)

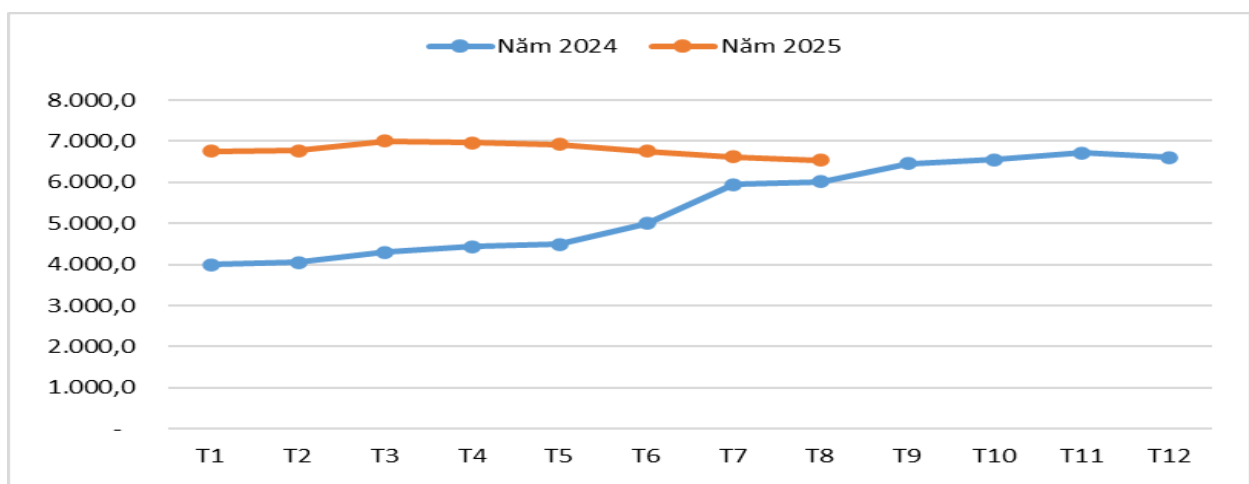


Nguồn: Cục Hải quan

Về giá xuất khẩu:

Giá bình quân xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong tháng 8/2025 đạt 6.539 USD/tấn, giảm 1,1% so với tháng 7/2025, nhưng tăng 8,8% so với tháng 8/2024. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, giá bình quân xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đạt 6.803 USD/tấn, tăng 42% so với cùng kỳ năm 2024.

Biểu đồ 2: Giá bình quân xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam qua các tháng năm 2024-2025 (Đvt: USD/tấn)

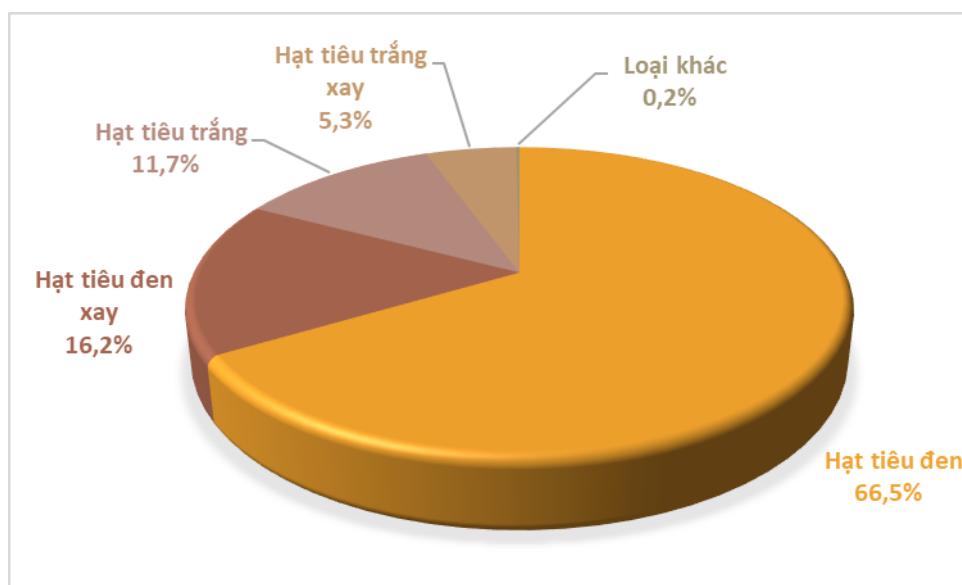


(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan)

2.2 Về cơ cấu chủng loại hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025

Trong cơ cấu chủng loại hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2025, hạt tiêu đen là chủng loại xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 66,5% tổng kim ngạch xuất khẩu, tiếp đến là hạt tiêu đen xay chiếm 16,2%, hạt tiêu trắng chiếm 11,7%, hạt tiêu trắng xay chiếm 5,3%. Tuy vậy, so với cùng kỳ năm ngoái, tỷ trọng xuất khẩu hạt tiêu đen của Việt Nam đã giảm đáng kể, từ mức 70,1%, trái lại, tỷ trọng xuất khẩu các chủng loại hạt tiêu khác đều tăng, trong đó, tỷ trọng xuất khẩu hạt tiêu đen xay và hạt tiêu trắng đều tăng lên so với mức 14,4% và 10% của 8 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ 3: Cơ cấu chủng loại hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2025
(% tính theo kim ngạch)



(Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan)

Xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong tháng 8/2025 đã giảm về kim ngạch so với tháng 7/2025 chủ yếu là do xuất khẩu hạt tiêu đen xay giảm 50,5%, trong khi xuất khẩu các chủng loại hạt tiêu khác vẫn tăng.

So với tháng 8/2024, xuất khẩu các chủng loại hạt tiêu của Việt Nam trong tháng 8/2025 đa phần tăng, trừ xuất khẩu hạt tiêu đen xay giảm 33%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu các chủng loại hạt tiêu của Việt Nam đều tăng trưởng ở mức hai con số so với cùng kỳ năm 2024, trong đó, xuất khẩu chủng loại hạt tiêu trắng tăng mạnh nhất, tăng 51,1%, tiếp đến là chủng loại hạt tiêu trắng xay tăng 49,8%, hạt tiêu đen xay tăng 44,5%... Nguyên nhân là do mặt bằng giá hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2025 tăng 42% so với cùng kỳ năm 2024.

Bảng 1: Một số chủng loại hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024

Chủng loại	Tháng 8/2025 (nghìn USD)	So với tháng 7/2025 (%)	So với tháng 8/2024 (%)	8 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2024 (%)
Tổng	140.287	-1,3	20,2	1.129.888	28,4	100	100
Hạt tiêu đen	100.200	9,2	25,3	751.689	21,8	66,5	70,1
Hạt tiêu đen xay	14.053	-50,5	-33,0	183.734	44,5	16,3	14,4
Hạt tiêu trắng	17.872	32,3	85,2	132.797	51,1	11,8	10,0
Hạt tiêu trắng xay	7.936	-3,2	58,6	60.426	49,8	5,3	4,6
Loại khác	203	116,7	-81,5	2.111	-44,4	0,2	0,4

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

2.3 Thị trường xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2025

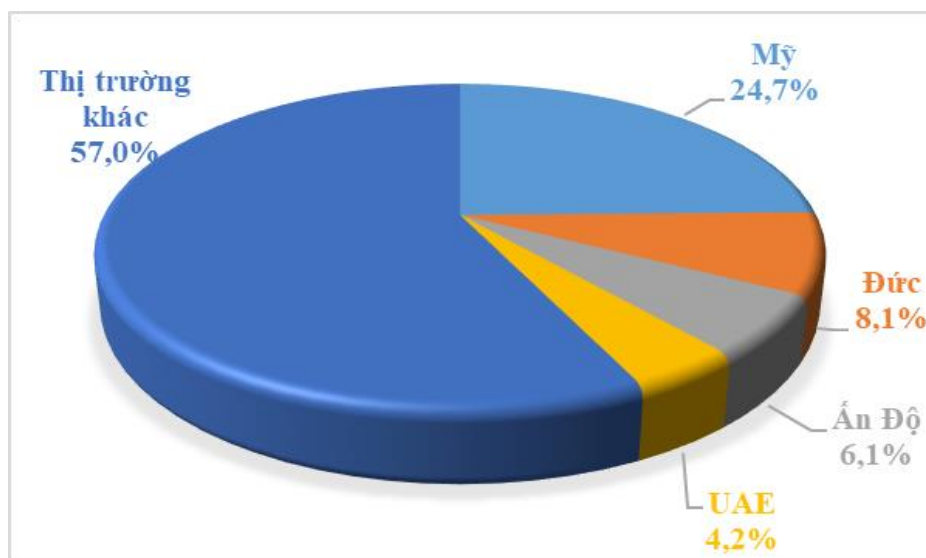
Thị trường xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam rất đa dạng, với khoảng 35 thị trường, trong đó, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2025, chiếm 22,39% về lượng và chiếm 24,71% về kim ngạch, giảm so với mức 28,25% tổng lượng và 29,4% tổng kim ngạch của 8 tháng đầu năm 2024.

Đáng chú ý, trong khi tỷ trọng xuất khẩu hạt tiêu sang Mỹ giảm, thì tỷ trọng xuất khẩu sang 2 thị trường Đức và Ấn Độ đều tăng trong 8 tháng đầu năm 2025, trong đó, xuất khẩu sang thị trường Đức chiếm 7,22% tổng lượng và 8,08% tổng kim ngạch, tăng so với mức 6,6% tổng lượng và 7,24% tổng kim ngạch của 8 tháng đầu năm 2024; Tỷ trọng xuất khẩu hạt tiêu sang thị trường Ấn Độ đạt mức

5,85% tổng lượng và 6,06% tổng kim ngạch trong 8 tháng đầu năm 2025, từ mức 4,94% tổng lượng và 4,69% tổng kim ngạch của 8 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ 4: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2025

(Tỷ trọng % tính theo kim ngạch xuất khẩu)



(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan)

Nhìn chung, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang các thị trường chủ lực trong 8 tháng đầu năm 2025 đa phần giảm về lượng so với cùng kỳ năm 2024, trong đó, xuất khẩu sang nhiều thị trường giảm ở mức hai con số như Mỹ giảm 28,3%, UAE giảm 38,1%, Hà Lan giảm 28,5%... Ở chiều ngược lại, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang một số thị trường vẫn tăng về lượng so với cùng kỳ năm 2024 như: Anh tăng 27%, Thái Lan tăng 17%, Ả rập Xê út tăng 13%, Nhật Bản tăng 12,1%...

Xét về kim ngạch xuất khẩu, do mặt bằng giá xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong năm 2025 vẫn cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2024, do vậy, kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang hầu hết các thị trường đều tăng so với cùng kỳ năm 2024, trừ xuất khẩu sang thị trường UAE giảm 2,4%, Pháp giảm 39,8%, Ba Lan giảm 4,3%, Italia giảm 15,6%.

**Bảng 2: Một số thị trường xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong tháng 8
và 8 tháng đầu năm 2025**

Thị trường	Tháng 8/2025		So với tháng 8/2024 (%)		8 tháng năm 2025		So với 8 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	21.453	140.287	10,5	20,2	166.098	1.129.888	-9,6	28,4
Mỹ	4.426	30.937	-48,4	-41,2	37.196	279.194	-28,3	7,9
Đức	1.280	9.303	18,5	44,4	11.997	91.350	-1,1	43,4
Ấn Độ	441	2.933	28,9	23,5	9.720	68.449	7,1	65,9
UAE	968	6.009	13,0	16,1	7.286	47.097	-38,1	-22,4
Hà Lan	987	8.112	81,1	140,7	5.394	44.527	-28,5	11,7
Anh	589	4.653	-3,1	33,6	5.296	40.864	27,0	101,2
Hàn Quốc	553	3.747	-21,7	-16,7	5.427	36.889	3,2	31,7
Thái Lan	858	6.141	204,3	262,5	4.597	35.917	17,0	57,6
Nga	617	3.876	0,3	-2,1	4.368	29.542	-6,7	30,3
Ai Cập	730	4.236	913,9	1.442,9	4.837	29.362	9,8	43,4
Philippin	778	3.911	44,9	42,1	5.101	27.194	-12,1	19,1
Pakistan	518	3.112	140,9	253,0	3.941	25.400	-19,2	22,6
Canada	417	2.795	-20,0	-15,3	2.696	19.375	-8,5	26,0
Thổ Nhĩ Kỳ	328	1.870	496,4	573,8	3.120	18.797	-14,7	21,4
Ả Rập Xê út	495	3.258	192,9	172,5	2.758	18.479	13,0	57,5
Nhật Bản	439	2.862	41,2	102,3	3.038	18.304	12,1	68,4
Tây Ban Nha	231	1.653	-40,0	-31,3	2.140	16.073	-17,2	18,9
Xê-nê-gan	140	798	68,7	82,2	2.457	14.184	30,0	72,0
Malaysia	251	1.641	41,0	56,4	1.685	11.965	19,2	66,0
Pháp	184	1.079	-12,8	-21,2	2.109	10.519	-41,3	-39,8
Australia	337	2.303	63,6	68,2	1.330	9.472	-19,3	12,3
Nam Phi	159	1.042	-49,4	-39,4	1.497	9.213	-19,8	17,5
Ba Lan	136	869	-55,3	-56,4	1.348	9.092	-30,0	-4,3
Bỉ	89	595	-11,0	30,6	888	6.793	26,1	92,9
Italia	30	218	-70,3	-64,5	694	5.125	-46,9	-15,6
Singapore	46	311	64,3	63,0	501	3.563	23,4	64,1
Angiêri	93	557	244,4	222,4	511	3.167	24,3	107,4
Cadắcxtan	53	298	-57,3	-56,0	484	2.677	-10,4	13,2
Ukraina	22	101	-21,4	-44,3	398	2.600	178,3	225,0
Côoét	14	61	-41,7	-63,0	350	2.396	-12,7	13,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

III. Đánh giá triển vọng xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong thời gian tới

3.1 Dung lượng thị trường nhập khẩu hạt tiêu của Mỹ

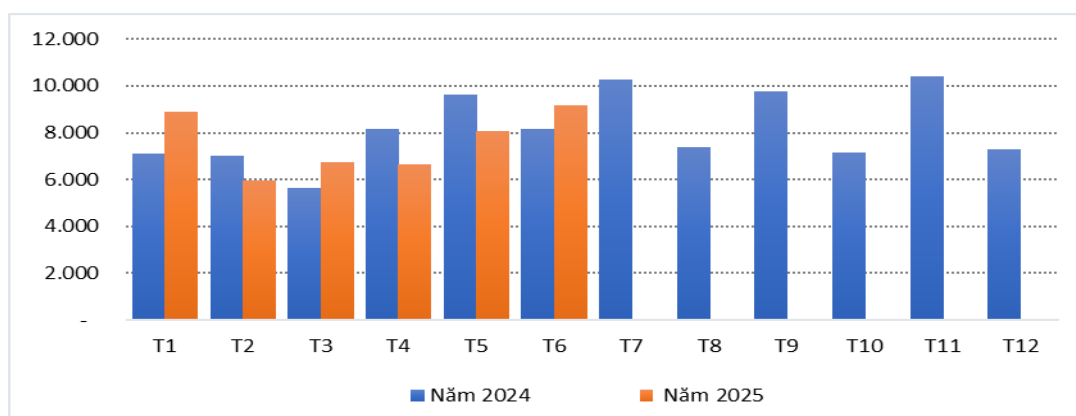
3.1.1 Lượng/trị giá nhập khẩu

Theo thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu hạt tiêu của quốc gia này trong 6 tháng đầu năm 2025 đạt 44,4 nghìn tấn, trị giá 335,4 triệu USD, giảm 0,4% về lượng nhưng tăng 55,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Tính riêng tháng 6/2025, nhập khẩu hạt tiêu của Mỹ đạt 9,18 nghìn tấn, trị giá 67,77 triệu USD, tăng 12,6% về lượng và tăng 70,8% về trị giá so với tháng 7/2024.

Biểu đồ 5: Lượng hạt tiêu nhập khẩu của Mỹ qua các tháng năm 2024-2025

(Đvt: nghìn tấn)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

3.1.2 Diễn biến giá

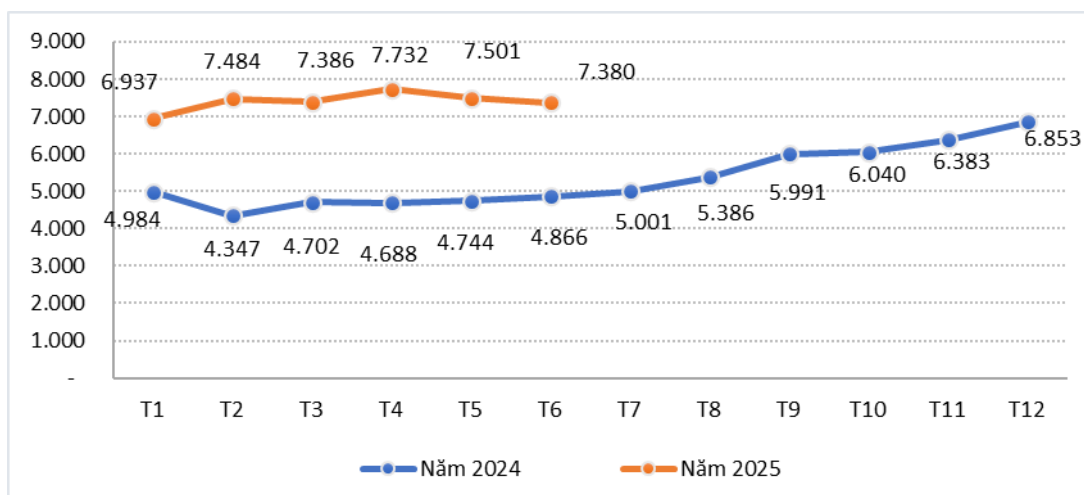
Giá bình quân nhập khẩu hạt tiêu vào Mỹ ở mức 7.380 USD/tấn vào tháng 6/2025, giảm 1,6% so với tháng 5/2025, nhưng tăng 51,7% so với tháng 6/2024.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, giá bình quân nhập khẩu hạt tiêu vào Mỹ đạt 7.380 USD/tấn, tăng 56,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Nhìn chung, theo xu hướng chung về mức biến động giá hạt tiêu thế giới, mặc dù giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Mỹ chứng lại trong 2 tháng gần

đây, nhưng so với mặt bằng giá nhập khẩu của cùng tháng năm 2024 thì mặt bằng giá hạt tiêu nhập khẩu của Mỹ năm nay vẫn cao hơn rất nhiều. Đây cũng là nguyên nhân khiến trị giá nhập khẩu hạt tiêu của Mỹ tăng mạnh trong khi lượng nhập khẩu giảm.

Biểu đồ 6: Diễn biến giá trung bình nhập khẩu hạt tiêu vào Mỹ qua các tháng năm 2024-2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

3.1.3 Cơ cấu nguồn cung

Mỹ nhập khẩu hạt tiêu từ 50 thị trường trong 6 tháng đầu năm 2025, trong đó, Việt Nam là nguồn cung hạt tiêu lớn nhất, chiếm 67,6% tổng lượng và 69,02% tổng trị giá nhập khẩu, giảm so với mức thị phần 76,46% về lượng và 74,8% về trị giá của 6 tháng đầu năm 2024. Nhập khẩu hạt tiêu của Mỹ từ Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025 đạt 30,72 nghìn tấn, trị giá 231,5 triệu USD, giảm 12% về lượng nhưng tăng 43,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Đáng chú ý, nếu như nhập khẩu hạt tiêu của Mỹ từ Việt Nam giảm về lượng trong 6 tháng đầu năm 2025 thì nhập khẩu từ một số thị trường khác lại tăng mạnh như Indonesia tăng 78,9%, Ấn Độ tăng 13,6%, Braxin tăng 19,6%, đặc biệt là Xri Lanca tăng 839,3% so với cùng kỳ năm 2024.

Mỹ đang giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu hạt tiêu từ Việt Nam, thay vào đó, Mỹ đẩy mạnh nhập khẩu hạt tiêu từ các thị trường khác như Indonesia, Ấn

Độ, Braxin, Xri Lanca, cho thấy chiến lược đa dạng hóa thị trường nhập khẩu của Mỹ ngày càng rõ ràng.

Bảng 3: 10 nguồn cung hạt tiêu (mã HS 090411; 090412) vào Mỹ 6 tháng đầu năm 2025

(Đvt: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD; Giá BQ: USD/tấn)

Thị trường	6 tháng đầu năm 2025			So với 6 tháng năm 2024 (%)			Tỷ trọng 6 tháng năm 2025 (%)	
	Lượng	Trị giá	Giá BQ	Lượng	Trị giá	Giá BQ	Lượng	Trị giá
Tổng	45.446	335.409	7.380	-0,4	55,5	56,1	100,00	100,00
Việt Nam	30.720	231.498	7.536	-12,0	43,5	63,0	67,60	69,02
Indonesia	6.566	47.851	7.287	78,9	160,6	45,7	14,45	14,27
Ấn Độ	4.420	29.727	6.725	13,6	53,8	35,4	9,73	8,86
Braxin	2.046	14.347	7.013	19,6	107,3	73,4	4,50	4,28
Xri Lanca	229	2.704	11.792	839,3	868,4	3,1	0,50	0,81
Trung Quốc	404	1.833	4.532	-29,6	-31,1	-2,1	0,89	0,55
Nam Phi	110	1.381	12.565	-24,3	-25,1	-1,0	0,24	0,41
Tây Ban Nha	151	1.008	6.659	0,3	-10,7	-11,0	0,33	0,30
Mexico	136	860	6.329	12,5	7,7	-4,2	0,30	0,26
Thổ Nhĩ Kỳ	67	763	11.358	-2,9	24,5	28,2	0,15	0,23
Thị trường khác	595	3.438	5.779	54,0	40,8	-8,6	1,31	1,03

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

3.2 Dự báo xuất khẩu hạt tiêu trong thời gian tới

Mặc dù được hỗ trợ về giá xuất khẩu nhưng lượng hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2025 vẫn giảm 9,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới xuất khẩu hạt tiêu giảm về lượng, trong đó có việc sản lượng giảm. Ngoài ra, thị trường Mỹ giảm mạnh nhập khẩu hạt tiêu Việt Nam cũng là nguyên nhân hàng đầu dẫn tới lượng hạt tiêu xuất khẩu hạt tiêu bị giảm nhiều, bởi Mỹ hiện là thị trường lớn nhất của hạt tiêu Việt Nam (chiếm 22,4% tổng lượng hạt tiêu xuất khẩu). Tại Mỹ, theo dữ liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu hạt tiêu của Mỹ trong 6 tháng đầu năm

2025 giảm 0,4% về lượng, trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam giảm 12% so với cùng kỳ năm 2024.

Mặc dù Mỹ giảm mạnh lượng hạt tiêu nhập khẩu từ Việt Nam và tăng mua từ Indonesia, Ấn Độ..., nhưng Việt Nam vẫn tiếp tục là nguồn cung lớn nhất cho thị trường này, chiếm 67,6% trong tổng lượng hạt tiêu nhập khẩu vào Mỹ trong 6 tháng đầu năm 2025.

Thuế đối ứng 20% mà Mỹ áp dụng với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, nhìn chung không gây ra mối lo ngại lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu hạt tiêu Việt Nam. Theo Tổng thư ký VPSA, thuế đối ứng mà hạt tiêu Indonesia phải chịu khi xuất khẩu sang Mỹ là 19%. Nếu so với thuế đối ứng của hạt tiêu Việt Nam, mức chênh lệch này là không đáng kể.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, 5 nước có lượng hạt tiêu xuất khẩu lớn nhất vào Mỹ là Việt Nam, Indonesia, Ấn Độ, Braxin và Trung Quốc. Trong đó, chỉ Indonesia có thuế đối ứng thấp hơn, còn lại đều cao hơn so với hạt tiêu Việt Nam, thậm chí Braxin và Ấn Độ đang có mức thuế tới 50%.

Sau khi Mỹ chính thức áp dụng thuế đối ứng, các nhà nhập khẩu Mỹ đang tính toán lại sức mua của người tiêu dùng nước này khi giá cả sẽ tăng lên vì cộng thêm thuế, dẫn tới tiến độ giao hàng sang Mỹ đang chậm lại.

Xuất khẩu hạt tiêu sang Mỹ trong quý III có thể gặp những khó khăn nhất định vì tác động của thuế đối ứng, nhưng từ quý IV trở đi dự báo sẽ khả quan hơn. VPSA cho rằng, thị trường Mỹ dự kiến sẽ tăng mạnh đơn hàng vào quý IV/2025 và quý I/2026, khi các nhà nhập khẩu bắt đầu xây dựng tồn kho hạt tiêu cho mùa tiêu thụ cao điểm.

Dù xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam vào Mỹ trong 8 tháng đầu năm nay giảm, nhưng đây có thể là kết quả tạm thời trong giai đoạn thị trường điều chỉnh trước chính sách thuế mới. Lợi thế thuế suất thấp hơn so với Braxin, Ấn Độ..., cùng với năng lực cung ứng ổn định, là cơ sở để kỳ vọng rằng xuất khẩu hạt tiêu Việt Nam sang Mỹ sẽ phục hồi tích cực trong những tháng cuối năm 2025.

Với những kết quả đạt được trong 8 tháng đầu năm 2025, cùng với giá tiêu toàn cầu được dự báo sẽ duy trì ở mức cao trong ngắn hạn khi nhu cầu mua thêm từ các thị trường lớn, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam. Dự báo, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong năm nay sẽ giảm về lượng, đạt khoảng 220 nghìn tấn so với 250 nghìn tấn của năm 2024. Tuy lượng xuất khẩu giảm mạnh nhưng nhờ giá tăng cao, nên kim ngạch vẫn sẽ tương đương năm ngoái là 1,3 tỷ USD.

Có thể thấy, ngành hạt tiêu Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định vị thế quan trọng trên thị trường quốc tế cả về sản xuất và xuất khẩu. Tiềm năng của cây hạt tiêu năm 2025 và các năm tiếp theo vẫn còn rất lớn khi nhu cầu toàn cầu đối với các loại gia vị tự nhiên, hữu cơ đang gia tăng mạnh mẽ, mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam phát triển theo hướng bền vững với khả năng tạo thêm giá trị gia tăng nội địa cao hơn.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đang đối mặt với nhiều thách thức, từ biến đổi khí hậu đến cạnh tranh hạt tiêu, áp lực từ sinh vật gây hại trên cây tiêu có những diễn biến phức tạp, đến những yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế cũng như giá cả vật tư đầu vào, vận chuyển quốc tế ngày càng tăng cao...

Để đảm bảo sự phát triển bền vững, ngành hạt tiêu và gia vị, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng và phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực, trong đó có định hướng phát triển cây hạt tiêu đến năm 2030, diện tích điều chỉnh còn khoảng 80.000 - 100.000 ha, năng suất đạt 24 - 25 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 200.000 - 300.000 tấn. Phấn đấu đến năm 2030, khoảng 40% diện tích trồng tiêu đạt tiêu chuẩn GAP và tương đương; khoảng 40 - 50% diện tích trồng tiêu được cấp mã số vùng trồng gắn truy xuất nguồn gốc sản phẩm; phát triển các vùng trồng hạt tiêu theo tiêu chuẩn hữu cơ và các tiêu chuẩn khác như VietGAP, GlobalGAP tại các vùng sản xuất trọng điểm như Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Đồng Nai...

3.3 Một số quy định đối với mặt hàng hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam

Đối với mặt hàng hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam, doanh nghiệp cần lưu ý một số quy định chính sau:

3.3.1 Quy định chung về xuất khẩu

+ Không thuộc danh mục cấm/hạn chế: Hạt tiêu không nằm trong danh mục hàng hóa cấm hay hạn chế xuất khẩu của Việt Nam.

+ Hải quan: Khi xuất khẩu, doanh nghiệp phải làm thủ tục hải quan theo quy định (thông quan, khai báo trên VNACCS/VCIS).

+ Hợp đồng ngoại thương: Cần ký kết hợp đồng mua bán quốc tế rõ ràng, ghi cụ thể về chất lượng, quy cách, điều kiện giao hàng (Incoterms), thanh toán.

3.3.2. Tiêu chuẩn chất lượng

+ TCVN 7036:2009 (hoặc tiêu chuẩn cập nhật mới): quy định về hạt tiêu đen, trắng xuất khẩu, bao gồm các chỉ tiêu cảm quan, vật lý, hóa học (độ ẩm, tạp chất, dung trọng, tinh dầu).

+ ASTA, ESA, ISO: Nhiều thị trường yêu cầu theo chuẩn quốc tế (ví dụ Hiệp hội Gia vị Mỹ - ASTA, Hiệp hội Gia vị châu Âu - ESA, hoặc ISO 959/ISO 1107).

+ Chất lượng đồng nhất: phải phân loại theo kích cỡ, độ ẩm $\leq 12,5\%$, tạp chất $\leq 1\%$, hạt lép $\leq 2\%$, không lẫn nấm mốc, mùi lạ.

3.3.3. An toàn thực phẩm và kiểm dịch

+ Kiểm dịch thực vật: Hạt tiêu thuộc nhóm hàng nông sản phải kiểm dịch trước khi xuất khẩu, do Cục Bảo vệ Thực vật cấp Giấy chứng nhận.

+ An toàn thực phẩm: Doanh nghiệp cần có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc HACCP/ISO 22000 nếu đối tác yêu cầu.

+ Dư lượng thuốc BVTV & kim loại nặng: phải tuân thủ mức tối đa cho phép (MRL) theo quy định của từng thị trường (Mỹ, EU, Nhật, Đức, v.v.).

3.3.4. Bao bì và nhãn mác

+ Bao bì: thường dùng bao đay, bao PP có lót PE, trọng lượng 25kg, 50kg hoặc theo yêu cầu khách hàng; phải đảm bảo sạch, khô, mới.

+ Nhãn hàng hóa: ghi rõ tên sản phẩm, loại (đen/ trắng/ xay), khối lượng tịnh, nước xuất xứ (Product of Vietnam), tên và địa chỉ nhà sản xuất/xuất khẩu, ngày sản xuất, hạn sử dụng.

3.3.5. Các chứng từ bắt buộc

+ Hợp đồng thương mại (Sales Contract).

+ Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice).

+ Phiếu đóng gói (Packing List).

+ Vận đơn (B/L hoặc AWB).

+ Chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate).

+ Chứng nhận xuất xứ (C/O) – tùy thị trường và ưu đãi FTA (CPTPP, EVFTA, RCEP...).

+ Chứng nhận chất lượng (nếu khách hàng yêu cầu: Certificate of Quality/Analysis).

IV. Tiêu chuẩn nhập khẩu hạt tiêu của một số thị trường

4.1 Tiêu chuẩn nhập khẩu hạt tiêu của thị trường Mỹ

Mỹ là một trong những thị trường nhập khẩu hạt tiêu lớn nhất thế giới, nhưng cũng có hệ thống tiêu chuẩn và quy định nhập khẩu nghiêm ngặt đối với mặt hàng nông sản, gia vị như hạt tiêu. Cụ thể:

+ Quy định về an toàn thực phẩm

FDA (Food and Drug Administration) quản lý các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu, trong đó có hạt tiêu.

FSMA (Food Safety Modernization Act – 2011) yêu cầu nhà xuất khẩu phải chứng minh được hạt tiêu an toàn, không gây rủi ro cho sức khỏe người tiêu dùng.

Đăng ký cơ sở sản xuất với FDA: tất cả cơ sở chế biến, đóng gói, bảo quản hạt tiêu xuất khẩu sang Mỹ phải đăng ký với FDA.

HACCP, GMP, ISO 22000 hoặc tương đương thường được yêu cầu để chứng minh quy trình sản xuất an toàn.

+ Yêu cầu về dư lượng và chất lượng

Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRLs): Hạt tiêu phải tuân thủ mức giới hạn mà Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ (EPA) công bố.

Hạn chế vi sinh vật gây hại: FDA kiểm tra Salmonella, E.coli, nấm mốc (aflatoxin, ochratoxin A). Đây là nhóm rủi ro cao nhất đối với gia vị.

Tiêu chuẩn thương mại: Hạt tiêu phải đạt chất lượng về độ ẩm (thường $\leq 12\%$), độ sạch, màu sắc, kích cỡ hạt.

+ Yêu cầu về kiểm dịch thực vật (APHIS – USDA)

Hạt tiêu chưa xay thường phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate) do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Không được lẫn côn trùng sống, tạp chất, hoặc mang nguy cơ dịch hại.

+ Nhãn mác và bao bì

Nhãn hàng phải theo chuẩn FDA Labeling Regulations, bao gồm:

Tên sản phẩm (Black Pepper, White Pepper, Ground Pepper...).

Trọng lượng tịnh (Net Weight, Net Content).

Nước xuất xứ (Product of Vietnam).

Tên và địa chỉ nhà sản xuất/xuất khẩu.

Thành phần (nếu là hạt tiêu xay, phối trộn).

Bao bì phải đảm bảo an toàn vệ sinh, không gây ô nhiễm cho sản phẩm.

+ Các chứng nhận khuyến khích (tăng khả năng cạnh tranh)

ASTA Cleanliness Specifications (Hiệp hội Thương mại Gia vị Mỹ): tiêu chuẩn sạch cho gia vị, thường được nhà nhập khẩu Mỹ yêu cầu.

Chứng nhận hữu cơ (USDA Organic): dành cho phân khúc cao cấp.

Fair Trade, Rainforest Alliance: giúp tăng giá trị xuất khẩu vào các chuỗi siêu thị.

4.2 Tiêu chuẩn nhập khẩu hạt tiêu của thị trường Đức

Đức là một trong những thị trường xuất khẩu hạt tiêu chủ lực của Việt Nam. Trong thời gian gần đây, nếu như xuất khẩu hạt tiêu sang Mỹ giảm thì xuất khẩu sang thị trường Đức tăng đáng kể. Trong thời gian tới, Đức tiếp tục là thị trường xuất khẩu hạt tiêu tiềm năng của Việt Nam. Tuy vậy, để có thể tận dụng các cơ hội, đẩy mạnh xuất khẩu hạt tiêu sang thị trường Đức, các doanh nghiệp cần tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về kiểm dịch thực vật, chất lượng và an toàn thực phẩm của thị trường EU nói chung và Đức nói riêng.

- Các yêu cầu pháp lý bắt buộc (EU / Đức)

+ Chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate)

➤ Các sản phẩm thực vật từ nước ngoài (kể cả hạt tiêu khô) thường phải có chứng thư kiểm dịch thực vật, theo Quy định (EU) 2019/2072.

➤ Chứng thư này do cơ quan bảo vệ thực vật quốc gia xuất khẩu cấp, đảm bảo sản phẩm: đã được kiểm tra, không mang sâu bệnh gây hại (quarantine pests), phù hợp yêu cầu về sức khỏe thực vật.

+ Tiêu chuẩn về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (Pesticide Residues/MRLs)

➤ EU có danh mục giới hạn tối đa dư lượng thuốc (MRLs) cho từng hoạt chất trên từng loại nông sản, trong đó có hạt tiêu. Nếu vượt mức này, lô hàng có thể bị trả lại hoặc tiêu hủy.

➤ Một số trường hợp nhập khẩu hạt tiêu bị từ chối do dư lượng ethylene oxide, hoặc các thuốc bảo vệ thực vật bị cấm.

+ Kiểm soát vi sinh vật và độc tố tự nhiên (Mycotoxins, Salmonella, etc.)

➤ Salmonella: hạt tiêu không được chứa Salmonella. Đây là nguyên nhân phổ biến trong các cảnh báo an toàn thực phẩm của EU.

➤ Mycotoxins: có giới hạn cho aflatoxin (chẳng hạn B1) và tổng aflatoxin. Ví dụ: mức tối đa cho aflatoxin B1 khoảng 5 µg/kg và tổng aflatoxins khoảng 10 µg/kg trong một số loại hạt tiêu.

➤ Ochratoxin A cũng được kiểm soát.

+ Kim loại nặng, chất gây ô nhiễm khác

➤ Chì (lead) có giới hạn, ví dụ cho hạt tiêu (loại spice fruit).

➤ Các polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs) cũng được hạn chế: benzo(a)pyrene và tổng hợp các PAHs phải dưới các mức do EU quy định.

+ Hàm ẩm và độ tinh khô:

➤ Độ ẩm tối đa thường ≤ 12% cho hạt tiêu đen và trắng. Nếu ẩm cao, dễ sinh nấm, vi sinh vật, ảnh hưởng đến chất lượng & an toàn.

+ Tiêu chuẩn chất lượng vật lý và hóa học

➤ Loại bỏ tạp chất, hạt bị hư, hạt lép, hạt nhẹ (“light berries”), vỏ lẫn lộn, đất cát, vỏ chai, mảnh vỡ...

➤ Tro không tan trong acid (acid-insoluble ash) có giới hạn, thường ≤ ~1.5% cho hạt tiêu đen.

➤ Hàm lượng dầu thơm (volatile oil) / hàm lượng piperine (chất cay) nếu có yêu cầu chất lượng cao.

+ Ghi nhãn & đóng gói (Labelling & Packaging)

➤ Ghi rõ tên sản phẩm, xuất xứ, tên quốc gia sản xuất, trọng lượng (ròng & tổng nếu cần), thông tin xử lý (nếu đã khử trùng, xử lý chống mốc, xử lý với hóa chất gì...).

➤ Bao bì phải phù hợp để bảo quản: chống ẩm, mùi ngoài, ánh sáng nếu cần, tránh bị hư hại trong vận chuyển.

- Các yếu tố khác thường được người mua / thị trường cao cấp yêu cầu

+ Chuẩn ISO / IPC / Codex / ESA cho hạt tiêu: các thông số về kích cỡ, tỉ lệ hạt nguyên so với hạt vỡ, màu sắc, độ đồng đều.

+ Yêu cầu về chất lượng cảm quan: mùi hương, vị cay, không có mùi lạ, vị mốc, vị ẩm, vị hóa chất.

+ Yêu cầu chứng nhận bền vững / truy xuất nguồn gốc: ví dụ sản phẩm hữu cơ (organic), fair trade, chứng nhận môi trường, không sử dụng hóa chất bị cấm.

+ Tần suất kiểm tra tại cửa khẩu nếu xuất khẩu lô hàng từ các quốc gia có tiền sử vi phạm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

4.3 Tiêu chuẩn nhập khẩu hạt tiêu của thị trường Nhật Bản

Tiêu chuẩn nhập khẩu hạt tiêu vào thị trường Nhật Bản khá khắt khe, vì nước này quản lý thực phẩm theo nguyên tắc “an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng”. Một số yêu cầu chính mà doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý:

+ Quy định chung

✓ Tuân thủ Luật vệ sinh an toàn thực phẩm Nhật Bản (Food Sanitation Act).

✓ Sản phẩm phải khai báo nhập khẩu với Cơ quan Kiểm dịch Thực phẩm (FQSI – thuộc Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản - MHLW).

✓ Bắt buộc có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate) do Việt Nam cấp.

- Các chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm

✓ Độ ẩm: $\leq 12\%$ (tránh nấm mốc).

✓ Tạp chất: $\leq 1\%$ (sạn, cát, bụi).

✓ Vi sinh vật: không nhiễm Salmonella, E. coli, Coliforms vượt ngưỡng.

✓ Aflatoxin: tổng aflatoxin ≤ 10 ppb (đặc biệt kiểm tra nghiêm ngặt do hạt tiêu dễ nhiễm nấm Aspergillus).

✓ **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL – Maximum Residue Limits):**

Nhật quy định riêng từng hoạt chất, ví dụ:

Carbendazim: ≤ 0.01 ppm

Chlorpyrifos: ≤ 0.05 ppm

Glyphosate: ≤ 0.1 ppm

(nếu vượt mức, hàng sẽ bị trả về hoặc tiêu hủy).

✓ **Kim loại nặng:**

Chì (Pb): ≤ 0.1 ppm

Cadmium (Cd): ≤ 0.05 ppm

- ***Yêu cầu về bao bì, nhãn mác***

✓ Bao bì phải sạch, an toàn, không chứa chất gây độc hại (theo quy định về vật liệu tiếp xúc thực phẩm).

✓ Ghi nhãn bắt buộc bằng tiếng Nhật: tên hàng, nước xuất xứ, thành phần, ngày sản xuất, hạn sử dụng, thông tin nhà xuất khẩu.

✓ Đối với sản phẩm phục vụ chế biến hoặc đóng gói lại, cần ghi rõ “nguyên liệu chế biến” (processing use).

- ***Chứng nhận thường được yêu cầu thêm***

✓ HACCP hoặc ISO 22000: để đảm bảo hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm.

✓ JAS (Japanese Agricultural Standard) nếu xuất khẩu hạt tiêu hữu cơ.

✓ Một số nhà nhập khẩu yêu cầu chứng nhận Halal (phục vụ cộng đồng Hồi giáo tại Nhật).

Nhìn chung, Nhật Bản tập trung vào dư lượng thuốc BVTV, aflatoxin và vi sinh. Doanh nghiệp Việt Nam muốn xuất khẩu hạt tiêu cần kiểm soát từ nông trại – thu hoạch – chế biến – bảo quản, đồng thời nên có chứng nhận GlobalGAP, HACCP/ISO 22000 để tạo uy tín với nhà nhập khẩu.